

Lý Lạc Long

Đi Tìm Chân Lý



Trong một câu chuyện của Mạnh Tử: Có một người bán mâu và thuẫn quảng cáo về mâu và thuẫn của mình như sau:

- Mâu này bất cứ thứ gì cũng đâm thủng được .
- Thuần này không có thứ gì đâm thủng được .

Lời quảng cáo như trên của người bán "mâu thuẫn" với nhau và hai mệnh đề mâu thuẫn với nhau không thể cùng đúng một lượt. Phải có một mệnh đề (quảng cáo) sai. Vì vậy dẫn đến câu nói mà chúng ta thường nghe:

"Chân lý chỉ có một" dựa trên "nguyên lý bất mâu thuẫn" này .

Trong lịch sử toán học, chúng ta nhận thấy có ba tiên đề mâu thuẫn làm nền tảng cho ba nền hình học khác nhau (Euclide, Riemann và Lobatchevsky):

- Hình học Euclide dựa trên tiên đề: Từ một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta chỉ có thể kẻ được một đường thẳng duy nhất song song với đường thẳng đã cho.
- Hình học Riemann dựa trên tiên đề: Từ một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta không thể kẻ được một đường thẳng nào song song với đường thẳng đã cho.
- Hình học Lobatchevsky dựa trên tiên đề: Từ một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta có thể kẻ được vô số những đường thẳng khác nhau song song với đường thẳng đã cho.

Nếu theo nguyên lý bất mâu thuẫn thì chắc chắn chỉ có một nền hình học là đúng. Nhưng trong thực tế thì cả ba nền hình học này đều được ứng dụng

rất đúng trong ba mặt khác nhau của không gian. Hình học Euclide ứng dụng trong thế giới thường ngày của chúng ta (hình học phẳng) . Hình học Riemann ứng dụng trong việc nghiên cứu thế giới của các nguyên tử và phân tử (ngành vi vật lý). Hình học Lobatchevsky ứng dụng trong việc nghiên cứu thế giới của các thiên thể vũ trụ (hình học không gian). Điều này cho thấy một thực tại như không gian có thể có nhiều mặt (thực tại đa diện) và nếu chúng ta giữ quan niệm không gian chỉ có một mặt duy nhất (thực tại đơn diện) thì chúng ta không thể giải thích được tại sao cả ba tiên đề mâu thuẫn với nhau, như ở trên, đều đúng.

Trước thực tế đó, triết học bắt buộc phải đặt lại vấn đề về nguyên lý bất mâu thuẫn của nhận thức luận cũ. Vì căn cứ theo thực tế thì mọi sự vật đều có nhiều mặt, tối thiểu là với ba chiều (dài, rộng, cao), và người ta có thể nhìn một sự vật từ sáu mặt khác nhau (trước, sau, trên, dưới, phải, trái) và sáu cách nhìn sẽ dẫn đến những nhận thức khác nhau, thậm chí có thể mâu thuẫn nhau. Giả sử, nếu có người nào đó đặt vấn đề là trong sáu cách nhìn một sự vật, cách nhìn nào đúng? Đây là một câu hỏi khôi hài và càng vô lý hơn nữa khi có ai xác quyết là trong sáu cách nhìn ấy chỉ có một cách nhìn là đúng. Và như vậy là năm cách nhìn còn lại , theo câu nói "chân lý chỉ có một" đều phải sai hết. Mặc dù rất rõ ràng đây là một chuyện khôi hài và vô lý. Tuy nhiên nó cũng có thể xảy ra một cách dễ dàng nếu người ta chấp nhận nguyên lý bất mâu thuẫn là đúng và quan niệm thực tại chỉ có một mặt (thực tại đơn diện).

Câu chuyện "Những người mù sờ voi" là một thí dụ điển tả rõ ràng cái nhận thức phiến diện của con người. Những người mù sờ voi cãi nhau vì ai cũng quả quyết là mình đúng. Và nếu mình đúng thì mọi người khác phải sai và làm sao mình chấp nhận được? Nhân loại thăm sát nhau trong những cuộc chiến tranh không những để tranh dành quyền lợi mà còn để bảo vệ chân lý. Bảo vệ cái chân lý chính bản thân mình đã chứng nghiệm, đã xác tín và tin tưởng đó là chân lý duy nhất. Ngờ đâu đó chỉ là "chân lý của mình" mà không biết rằng người khác cũng có "chân lý của họ". Các tôn

giáo, các ý thức hệ, các khuynh hướng và đảng phái chính trị ... phe nhóm nào cũng khẳng định xác quyết là chỉ có lập trường của phe mình là đúng. Ai cũng sẵn sàng đổ máu của mình cũng như của phe đối lập để bảo vệ "chân lý của mình". Ai cũng coi bảo vệ chân lý là một lý tưởng cao đẹp! Đa số chúng ta đều cho mình biết được thực tại (reality), cái gì tôi thấy, biết, nghe, hiểu đều là sự thật (truth). Vì thế nên mới có “ngã kiến” (tức là cái thấy của tôi) và “kiến thủ” (khư khư cho cái thấy của tôi là đúng). Nhưng thực ra chúng ta chỉ nắm bắt được những mảnh vụn của thực tại xuyên qua nhiều cái lọc (filter) hay lăng kính (mirror).

Đứng trước thực tại, chúng ta thu nhận nó qua những giác quan của mình như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nếu các giác quan của ta không được chính xác như mắt cận hay viễn thị, tai điếc, mũi nghẹt, lưỡi khô, thân bệnh, ý đang tán loạn, vui buồn v.v... thì thực tại sẽ bị méo mó đi một phần. Tri giác là một cái lọc hay lăng kính thứ nhất. Và thực tại ban đầu trở thành thực tại số 1 qua tri giác. Kế tiếp thực tại đó được nhìn ngắm qua lăng kính gia tài văn hóa, xã hội mà ta đã sinh ra và lớn lên. Tùy theo ta là người Việt, người Hoa, người Pháp, người Anh ... ta sẽ nhìn thấy sự việc một cách khác nhau. Và qua cái lọc văn hóa xã hội thực tại số 1 đã biến thể thành thực tại số 2. Tiếp theo đó, cũng cùng là người Việt, nhưng mỗi người có những kinh nghiệm riêng tư không giống nhau. Và như vậy, qua cái lọc của kinh nghiệm bản thân ta, thực tại số 2 đã biến thành thực tại số 3. Cuối cùng, khi cái Ý của ta nhận thức thực tại thì nó chỉ có thể thấy thực tại số 3 chứ không thể thấy cái thực tại ban đầu nữa. Sau khi nhận thức thực tại số 3, ý thức của ta "đóng khung" thực tại số 3 qua hình ảnh, ngôn ngữ, khái niệm ... thành thực tại số 4 và ta cho đó là thực tại "thứ thiệt". Cái thực tại sau cùng mà Ý nhận thức được chỉ còn là một bóng dáng, một thực tại méo mó với những mảnh vụn rơi rớt vì đã trải qua nhiều cái lọc. Thực tại (chân lý) chỉ còn là cái bóng. Tuy vậy, đa số chúng ta lại "Tưởng" là mình nắm bắt được thực tại, tự cho là mình biết đúng, thấy đúng sự thật. Và vì vậy, chúng ta muốn người khác phải tin và nghe theo ý kiến của chúng ta.

Trên phương diện tương đối trong đời sống hàng ngày, chúng ta không thể không có "Tuởng", không Tuởng cái này thì cũng Tuởng cái kia. Tuởng rồi Tin vào cái Tuởng của mình gọi là tin tuởng (belief). Những cái Tuởng đúng hoặc gần với thực tại, với chân lý thì được gọi là chánh kiến, hay minh triết ... vì nó đem lại an vui hạnh phúc, còn những cái Tuởng méo mó sai lầm không đúng thực tại, tin vào đó sẽ đưa đến buồn phiền khổ đau thì gọi là vọng tuởng (false belief). Ngay cả những cái ta cho là sự thật hay chân lý rồi và khư khư bám chặt vào đó thì nó cũng trở thành một loại vọng tuởng. Về phương diện tuyệt đối, có thể nói con người không có khả năng nhận thức thực tại (chân lý) mà chỉ là nhận thức cái bóng của thực tại (chân lý). Vì thực tại biến đổi theo từng "sát-na".

(Theo Phật giáo, danh từ sát na được dùng để chỉ thời gian chớp nhoáng của mỗi biến đổi. Một ngày 24 giờ được tính bằng sáu ngàn bốn trăm tỷ, chín vạn, chín ngàn, chín trăm tám mươi sát na.)

Và chúng ta thường lầm lẫn giữa ý tưởng và thực tại, cũng như giữa danh từ và sự vật. Thí dụ khi chúng ta nhìn ngắm một bức ảnh chụp một vật gì đó, như một trái táo chẳng hạn . Hãy để ý, hình ảnh (chụp) trái táo không phải là trái táo, danh từ trái táo không phải là trái táo và ý tưởng về trái táo cũng không phải là trái táo, trái táo như là một thực tại đã biến đổi . Một thí dụ khác như khi ta xem bản đồ của một thành phố, như New York chẳng hạn . Bản đồ New York không phải là thành phố New York dù cho đây là bản đồ mới nhất và được chụp với máy ảnh tối tân nhất thì cũng chỉ là bức ảnh của thành phố New York chụp vào một thời điểm cố định trong quá khứ. New York hiện tại đã khác với hình ảnh New York đã chụp. Những danh từ , ý tưởng và bản đồ giúp cho chúng ta có một khái niệm về thực tại và sự vật, nhưng khi có trong tay thì chúng ta lại xem chúng (danh từ, ý tưởng, bản đồ) như là thực tại và quên đi thực tại. Thực tại luôn luôn biến đổi theo từng sát na trong khi danh từ, ý tưởng và bản đồ thì cứng nhắc không thay đổi.

Tóm lại , tri thức của chúng ta về một sự vật nào đó thì không phải là sự vật

chính nó. Cái mà chúng ta biết được về thế giới thực tại chung quanh ta chỉ là những phóng ảnh từ tâm thức, hay nói khác hơn chỉ là thế giới biểu tượng của thực tại, chứ không phải là thực tại nguyên bản. Bởi vì, tính chất của nhận thức là phân biệt thế giới thực tại qua khái niệm; mà giữa khái niệm và thực tại thì hoàn toàn khác nhau. Do đó, bất luận một sự vật nào, hễ còn được xây dựng trên khái niệm thì đều là huyền ảo - nghĩa là chúng luôn luôn Vô Thường .

(Vô thường là luật tuần hoàn của vũ trụ. Nơi nào có sự vận hành, chuyển biến, đổi dời, nơi đó có Vô Thường. Vô Thường không phải chỉ là giáo lý riêng của Phật giáo, mà vào thế kỷ thứ 6 trước Tây Lịch, một triết gia Hy-Lạp Herakleitos cũng đã nói : "Tất cả (sự vật) đều ở trong trạng thái biến đổi" (All is in a state of flux).)

Từ xưa đến nay, biết bao nhiêu triết gia, biết bao nhiêu lý thuyết chủ trương không giống nhau, và chúng ta vẫn chưa biết được đâu là chân lý. Cái mà hôm qua người ta gọi là chân lý, hôm nay đã không còn là chân lý. Cái mà hôm nay mọi người cho là chân lý, ngày mai lại có thể là sai lạc. Lý trí con người khổ sở vô cùng trong khi đi tìm chân lý, và cho đến bây giờ con người vẫn nghi ngờ không biết rằng lý trí mình có thể có khả năng đạt đến chân lý hay không? Sự nghi ngờ đó cho thấy sự yếu kém của tri thức nhân loại. Và như vậy cái gọi là chân lý mà con người nhận thức được bằng tri thức giới hạn của mình không phải là chân lý đúng và toàn thể (chân lý tuyệt đối “?”) mà chỉ là những nhận thức có tính chất chủ quan và phiên diện. Vì vậy, có thể nói, tất cả những học thuyết triết học muốn giải nghĩa, giải thích ... toàn thể vũ trụ này cũng chẳng khác nào những lời mô tả con voi của những người mù sờ voi mà thôi???

Đi tìm chân lý ở đâu?

Câu hỏi quá khó đau đầu thế nhân .

Lý Lạc Long (TTL/TCT/MAI/ 29/5/06)